

Đại Việt Quốc Tổng Lãm Đồ (ĐVQTLĐ)

大越國總覽圖

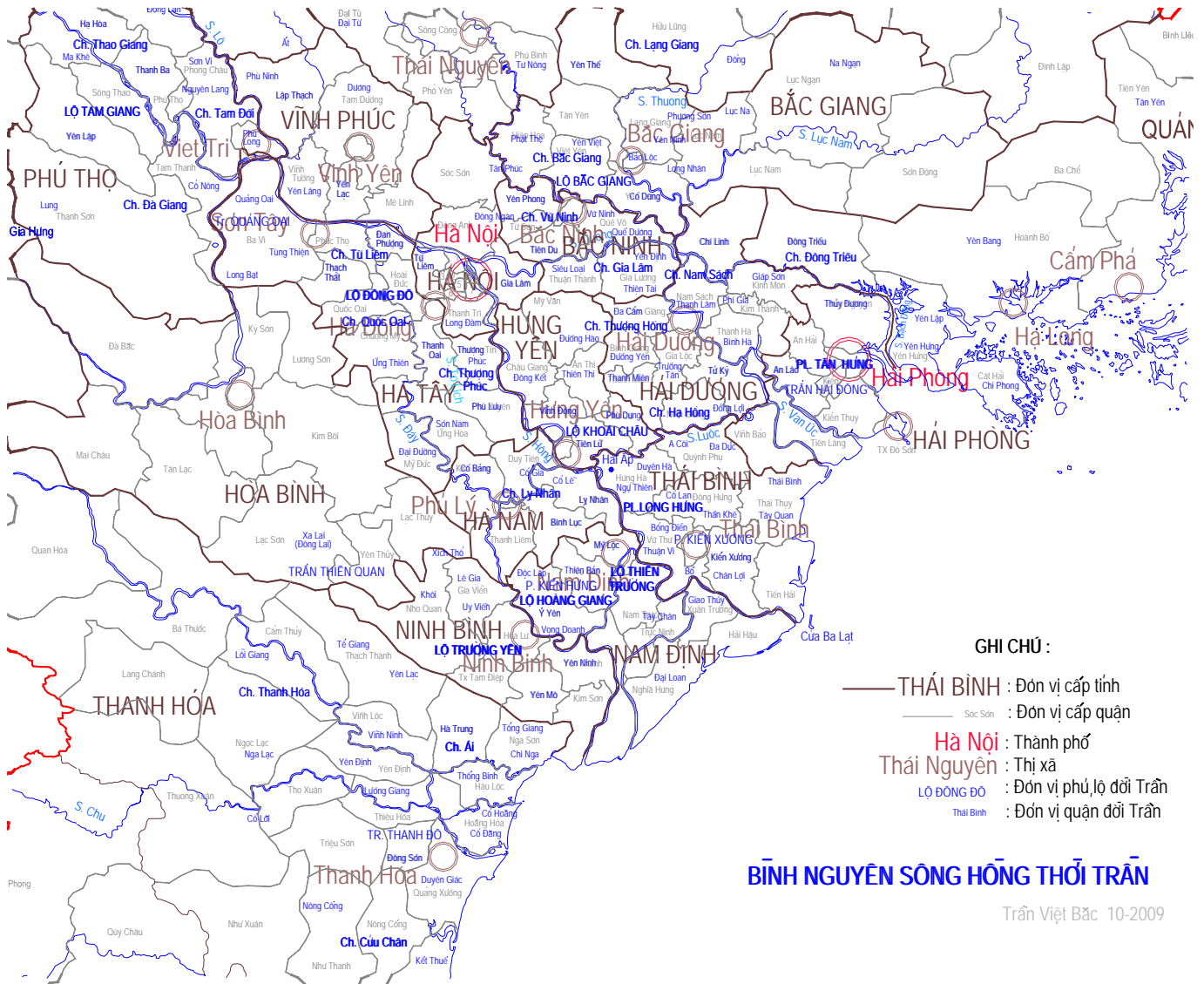
Trần Việt Bắc

(Tiếp theo)

Như đã trình bày trong phần trước, theo như Việt Sử Toàn Thư của sử gia Phạm Văn Sơn đã ghi:

“- Là bản-đồ nước ta do hai Đại-tướng nhà Minh, Chinh-nam tướng-quân kiêm Quốc-công Mộc-Thạnh và Tân-binh-hầu Trương-Phụ phác-họa trong niên-hiệu Vĩnh-Lạc (1403-1424).

Nhà Minh xâm lăng Đại Việt thời Hồ (Trung Hoa trong thời Vĩnh Lạc, Minh Thành Tổ Chu Đệ). Trong sách *"Đất nước Việt Nam qua các đời"* của tác giả Đào Duy Anh có chương *"Nước Đại Việt ở đời Trần và đời Hồ"* với những tra cứu về địa danh có khá nhiều chi tiết, người viết xin ghi lại những địa danh cuối thời Trần và đời nhà Hồ trên bản đồ ngày nay (vùng bình nguyên sông Hồng); với các đơn vị tỉnh và huyện (dù biết rằng có thể có sự sai lầm) để độc giả tiện việc tham khảo.



Bản đồ vùng bình nguyên sông Hồng thời Trần, Hồ

(Ghi chú: những địa danh được tham khảo và mang vào bản đồ từ sách : "Đất nước Việt Nam qua các đời" của học giả Đào Duy Anh trong chương "Nước Đại Việt ở đời Trần và đời Hồ" trang 94-126 nhà xuất bản Khoa Học- Hà Nội, 1964)

E- Tra cứu các địa danh

1. An Nam Long Biên thành , Phụng Thiên, Quảng Đức , Thọ Xương

An Nam Long Biên thành (安南龍翽城):

Xin trình ra một vài tài liệu có sẵn để đọc giả dễ bề tham khảo:

Theo ĐVSKTT, quyển 1, trang 161, thì Sĩ Nhiếp ... “...làm thái thú Giao Châu..., đóng đô ở Liên Lâu (tức là Long Biên)³.” Tuy nhiên ghi chú số 3 cùng trang viết là: “Liên Lâu: cũng thường đọc là Luy Lâu, ở Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc (NV: ngày nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), nay còn di tích thành, theo nhiều nhà khoa học, thành Liên Lâu không phải là Long Biên”.

Theo ANCL của Lê Trắc, trang 5: “Tôn Quyền thấy Giao Chỉ ở xa, bèn chia Giao Châu, đặt Quảng Châu và dời quận trị của Giao Châu qua Long Biên” (NV: Rời quận trị từ Luy Lâu sang Long Biên).

Theo KĐVSTGCM, Tiền biên, quyển 2 có ghi chú như sau: “Long Uyên: Tức là Long Biên, tên hiệu về đời Hán, thuộc quận Giao Chỉ, trị sở của quận về thời Đông Hán. Theo sách Thủy kinh chú, nhà Hán, năm Kiến An thứ 13 (208), khi mới đắp thành, có giống giao long lượn đi lượn lại ở hai bên bờ sông; nhân thế đổi gọi là Long Uyên. Nhà Lý đóng kinh đô ở đây, đổi tên là Thăng Long; nhà Trần, nhà Lê cũng đóng kinh đô ở đây cả. Bây giờ là tỉnh thành Hà Nội”.

Ghi chú trong ĐVSKTT, quyển 1, trang 179 viết: “Vị trí của thành Long Biên đến nay vẫn chưa xác định được, có thể ở vùng gần thị xã Bắc Ninh, tỉnh Hà Bắc”.

Ông Lê Quý Đôn trong sách Vân Đài Loại Ngữ của (ấn bản của nhà sách Tự Lực) do Phạm Vũ, Lê Hiền dịch và chú giải), trang 151 viết:

“76. Địa thế nước ta...

Kinh đô ở Long Biên, giữa khoảng hai phủ Thường Tín và Quốc Oai, tây bắc tựa nhiều núi, đông nam ngăn sông lớn, trên bến dưới thuyền là nơi đô hội. Chính tây là các phủ Lâm Thao, Đoan Hùng, Đà Dương và hai xứ Tuyên Quang, Hưng Hoá; chính bắc là một xứ Thái Nguyên, Phía tây có các phủ Ứng Thiên (ND: nay là Ứng Hoà), Quảng Oai; phía bắc có các phủ Thuận An, Từ Sơn; phía đông có ba phủ, hai phủ Hồng (Thượng Hồng, Hạ Hồng) và Nam Sách, ruộng đất phì nhiêu; phía Nam có các phủ Tiên Hưng, Khoái Châu, Lý Nhân, Thiên Trường (sau là Xuân Trường), Kiến Xương, Thái Bình, Nghĩa Hưng, ...”.

Tuy nhiên trang 169 viết:

“Sách Đông Hán chí chép.

...

5. Giao -chỉ 12 thành: **Long-biên; Liên-lâu; An-định; Câu-lậu; Mê-linh, Khúc-dương, Bắc-đái, Kê-từ, Tây-vu, Chu-diên, Phong-khê.**

...

Đời xa, sự tích mai một; các thành, huyện xưa, nay không biết ở những xứ sở nào, dấu cũ không còn mấy. Chỉ có Long-biên là trị sở Giao-châu đời Hán, tức kinh đô ngày nay. Còn Phong-khê ở đất Yên-lãng.

... . Một mình Sĩ Vương giữ Giao-châu được trọn vẹn, đóng đô ở **Liên-lâu tức Long-biên.**”

Trang 170 viết:

“Nhà Tấn bình được nhà Ngô, đặt ra Giao-châu bộ, thống trị 7 quận, 5 huyện:

...

2. Giao-chỉ thống trị 14 huyện: **Long-biên, Câu-lậu, Vọng-hải, Liên-lâu, Tây-ngọ, Vũ-ninh, Chu-diên** (nay là Yên-lãng), Khúc-dương, Giao-hưng, Bắc-đái, Kê-từ, An-định, Nam-định, Hải-bình.”

Trong đoạn đầu, có lẽ ông Lê Quý Đôn đã nói về vị trí của Liên Lâu thay vì Long Biên, mặc dù ông chắc cũng biết Long Biên và Liên Lâu là hai thành khác nhau.

Năm 541, thành Long Biên được Lý Nam Đế đặt làm kinh đô của nước Việt (quốc hiệu là Vạn Xuân). **Phỏng đoán là vùng thị xã Bắc Ninh ngày nay** (tham khảo từ "*Đất nước Việt Nam qua các đời*", trang 72-74, Đào Duy Anh).

Năm 548, Triệu Việt Vương cũng đóng đô ở Long Biên, sau đó ông dời đô sang Vũ Ninh (NV: theo ghi chú trong ĐVSKTT thì Vũ Ninh thuộc huyện Quế Võ (do hai huyện Quế Dương và Võ Giàng gom lại) thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay). Rồi nước Việt lại rơi vào vòng Bắc thuộc, dưới sự cai trị của An Nam Đô Hộ phủ, trị sở đặt ở Long Biên. Năm 825 trị phủ rời về thành Đại La thuộc huyện Tống Bình, là Thăng Long sau này (Hà Nội ngày nay), từ đó, thành Long Biên mới không được dùng làm kinh đô.

Long Biên ngày nay là tên một quận, được tách ra từ quận Gia Lâm. Đây không phải là vị trí của Long Biên thời Bắc thuộc.

Vậy "An Nam Long Biên thành" trong ĐVQTLĐ là Thăng Long thời Lý Trần, trung tâm thành phố Hà Nội ngày nay.

Phụng Thiên (奉天)

Theo ĐVSKTT thì Phụng Thiên là tên một cái điện thời Lý: “*Kỷ Ty, niên hiệu Thiên Thành năm thứ 2 [1029] Phía trước làm điện Phụng Thiên, trên điện dựng lầu Chính Dương làm nơi trông coi tính toán giờ khắc, phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện dựng gác Long Đồ làm nơi nghỉ ngơi du ngoạn. Bên ngoài đắp một lần thành bao quanh gọi là Long Thành*”. Theo sách ĐNNTC, tập 3, trang 160: “*thành gọi là Thăng Long (trước gọi là Long Thành), phủ gọi là Ứng Thiên (Lý Thái Tổ dựng kinh đô ở thành Đại La...)*”.

Thành Đại La, theo ĐVSKTT: “*Mậu Tý, [808],.... Trương Chu làm Đô hộ Giao Châu ... đắp thêm thành Đại La,...*”.

ĐNNTC Trang 174 lại viết: “*Từ đời nhà Lê về trước; kinh đô đều đặt ở đây; lại có tên là thành Phụng Thiên, ở trong thành Đại La. Thành lâu năm sứt đổ, đến đời Tây Sơn, theo nền cũ đắp thành quanh từ cửa Đông Hoa đến cửa Đại Hưng; bản triều đầu đời Gia Long lấy làm trị sở Bắc Thành*”.

Vậy chúng ta có thể đoán thành Phụng Thiên là nội thành, ở trong thành Thăng Long, là cung thất của triều đình và thành đã bị sụp đổ. Thành đã được đắp lại (một phần?) theo nền cũ.

Mới đây (2005), cung thất hai triều Lý, Trần đã được các nhà khảo cổ khai quật tại quận Ba Đình ở trung tâm thành phố Hà Nội.

Quảng Đức (廣德):

Không thấy ĐNNTC viết về địa danh “Quảng Đức” trước khi nhà Minh xâm lăng Đại Việt, tuy nhiên trang 161 viết: “*đời Quang Thuận đặt phủ phụ trách của kinh thành, đổi phủ Ứng Thiên làm Phụng Thiên, lãnh hai huyện Quảng Đức và Phụng Thiên;...*”. Vua Lê Thánh Tông làm vua từ 1460 tới 1497 đổi niên hiệu 2 lần. Quang Thuận là niên hiệu đầu (1460-1469), Hồng Đức là niên hiệu sau (1470-1497). Vậy chúng ta có thể suy ra là tên huyện Quảng Đức đã có từ trước, và có thể nằm trong phủ Ứng Thiên hay bên cạnh. Đến năm 1460, phủ Ứng Thiên đổi tên làm phủ Phụng Thiên, huyện Quảng Đức và **huyện** Phụng Thiên nằm trong **phủ** Phụng Thiên, và **thành** Phụng Thiên nằm trong huyện Phụng Thiên (sự việc trở nên phức tạp: thành, huyện, và phủ đều có tên là Phụng Thiên?). ĐNNTC trang 162 viết về phủ Hoài Đức như sau: “*Thời thuộc Minh là trị sở của phủ Giao Châu. Nhà Lê, đời Vĩnh Thuận gọi là*

phủ Phụng Thiên, lãnh hai huyện Vĩnh Xương và Quảng Đức.”. Ngày nay trong tỉnh Hà Tây, Hoài Đức là tên huyện, ở phía tây, cạnh huyện Từ Liêm của tỉnh Hà Nội.

Địa danh Quảng Đức trong ĐVQTLĐ là tên huyện, huyện này kế bên thành Thăng Long về hướng tây nam. Một phần đất của huyện Quảng Đức là huyện Hoài Đức ngày nay. Vậy chúng ta có thể xem như tên cổ của huyện Hoài Đức là Quảng Đức.

Thọ Xương (壽昌):

Địa danh này vẫn được dùng tới thời nhà Nguyễn. ĐNNTC, tập 3, trang 163 viết về huyện Thọ Xương như sau: “*huyện lỵ ở liền tỉnh thành, cách phủ Hoài Đức 9 dặm về phía đông nam, đông tây cách nhau 2 dặm (nv: khoảng 1 km?), nam bắc cách nhau 9 dặm; phía đông đến sông Nhị đối ngạn với địa giới huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh 1 dặm, phía tây Đồi Lê Quang Thuận (Nv: vua Lê Thánh Tông) gọi là huyện Vĩnh Xương sau đổi tên hiện nay*” (Nv: “tên hiện nay” là huyện Thọ Xương) .

Huyện Thọ Xương có tên cũ là Vĩnh Xương và trước đó nữa có lẽ đã được gọi là Thọ Xương như trong ĐVQTLĐ có ghi. Huyện Thọ Xương là một huyện bé, hẹp và dài, nằm dọc theo sông Nhị Hà, nằm phía Nam, kế với thành Thăng Long. Theo "Đất nước Việt Nam qua các đời" thì đây là huyện Đông Quan, ohủ Đông Đô đối Trần.

Địa danh Thọ Xương trong ĐVQTLĐ là một phần đất của quận Hai Bà Trưng và phía tây bắc của huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội .

2. Hải Dương thừa cải, Đông Triều, Kinh Môn, Nam Sách, Chí Linh

Hải Dương thừa cải (海揚丞改):

Thừa (丞): có nghĩa như “phủ thừa”, “huyện thừa”

Cải (改): đổi, làm lại

Địa danh Hải Dương là tên tỉnh Hải Dương ngày nay, nằm giữa các tỉnh Hưng Yên (phía tây), Bắc Ninh (phía tây bắc), Bắc Giang (phía bắc), Quảng Ninh (phía đông bắc), Hải Phòng (phía đông) và Thái Bình (phía nam)..

ĐNNTC, tập 3, trang 374: “*Nước ta đời Trần là Hồng Lộ, lại gọi là lộ Hải Đông, sau chia làm các phủ lộ Hồng Châu và Nam Sách*”.

Hải Dương thừa cải trong ĐVQTLĐ hay lộ Hải Đông gồm tỉnh Hải Dương và huyện Đông Triều của tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Đông Triều (東潮) :

ĐNNTC, tập 3, trang 384: “*Huyện Đông Triều: ở cách phủ 18 dặm về phía đông bắc, đông tây cách nhau 56 dặm, nam bắc cách nhau 29 dặm,.... Từ đời Trần về trước gọi là huyện Đông Triều...*”.

Địa danh này đến nay vẫn được dùng. Huyện Đông Triều xưa thuộc phủ Kinh Môn tỉnh Hải Dương, ngày nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Đông triều trong ĐVQTLĐ cũng là huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Kinh Môn (荆門):

Thời xưa là phủ Kinh Môn. Địa danh này đến nay vẫn còn, nhưng là cấp huyện, phía đông bắc tỉnh Hải Dương ngày nay.

Địa danh Kinh Môn trong ĐVQTLĐ cũng là huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ngày nay.

Nam Sách (南策):

Thời xưa là phủ Nam Sách . Địa danh này đến nay vẫn còn, nhưng là cấp huyện, nằm phía tây bắc tỉnh Hải Dương.

Địa danh Nam Sách trong ĐVQTLĐ cũng là huyện Nam sách, tỉnh Hải Dương ngày nay.

Chí Linh (至灵?):

ĐNNTC, tập 3, trang 381: “*Từ đời Trần về trước gọi là Bàn Châu...*”. Chỗ này theo ĐNNTC có điều ngờ vực vì trong đời Trần, địa danh Chí Linh đã có và được lập lại nhiều lần trong ĐVSKTT trong trận chiến chống quân Nguyên Mông. Địa danh này đến nay vẫn được dùng là một huyện nằm phía bắc tỉnh Hải Dương.

Địa danh Chí Linh trong ĐVQTLĐ cũng là huyện Chí Linh, phía cực bắc tỉnh Hải Dương ngày nay.

3. Kinh Bắc Thừa cải, Yên Phong, Đông Ngạc, Từ Sơn, Tiên Phúc, Tiên Du.

Kinh Bắc Thừa cải (京北丞改)

ĐNNTC, tập 4, trang 54: “*Nước ta đời Tiền Lê là Bắc Giang; đời Lý là quận Gia Lâm; đời Trần là lộ Bắc Giang, lại gọi là lộ Kinh Bắc. Thời thuộc Minh là hai phủ Bắc Giang và Lạng Giang.*”

.....
Bản triều năm Gia Long thứ nhất, vẫn gọi là trấn Kinh Bắc, lãnh 4 phủ và 20 huyện (4 phủ là Thuận An, Từ Sơn, Lạng Giang và Bắc Hà, 20 huyện là Gia Lâm, Văn Giang, Gia Bình, Siêu Loại, Lang Tài, Đông Ngàn, Yên Phong, Tiên Du, Quế Dương, Võ Giàng, Yên Dũng, Yên Thế, Bảo Lộc, Phương Nhân, Lục Ngạn, Hữu Lũng, Kim Hoa, Yên Việt, Hiệp Hoà và Thiên Phúc); năm Minh Mệnh thứ 3, đặt thêm 4 phân phủ Từ Sơn, Lạng Giang, Thiên Phúc và Thuận An...”

ĐVSKTT: “*Đình Sừ, [Quang Thái] năm thứ 10 [1397]*

...Tháng 5, (Hồ Quý Ly) xuống chiếu rằng: “.....Nên lệnh cho các phủ lộ Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Đông.....”.

Nhìn số phủ và số huyện thì Kinh Bắc thừa cải theo ĐVQTLĐ (hay lộ Kinh Bắc) so với bản đồ thời nay gồm cả hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, một phần phía tây tỉnh Hà Nội (huyện Gia Lâm) và một phần phía nam tỉnh Lạng Sơn (huyện Hữu Lũng).

Yên Phong (安豐):

ĐNNTC, tập 4, trang 57: “ Tên huyện có từ đời nhà Trần về trước, thời thuộc Minh do châu Vũ Ninh lãnh, lệ vào phủ Bắc Giang. Đời Lê Quang Thuận đổi lệ vào phủ Từ Sơn, đời Hồng Thuận (Nv: niên hiệu đời vua Lê Tương Dực, 1510) đổi tên là Yên Phú, sau lại theo tên cũ, bản triều cũng theo y như thế.”

Địa danh Yên Phong theo ĐVQTLĐ thì vẫn còn, là huyện Yên Phong phía bắc tỉnh Bắc Ninh

Đông Ngạn (東岸):

ĐNNTC, tập 4, trang 57: “*Huyện Đông Ngạn: ...Phía đông đến địa giới huyện Tiên Du 4 dặm, phía tây đến địa giới huyện Yên Lãng tỉnh Sơn Tây 27 dặm, phía nam đến địa giới huyện Tiên Du 8 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Yên Phong 9 dặm. Theo Sử kí (Nv: ?) thì huyện này nguyên trước là châu Cổ Lãm, Lê Đại Hành gọi là châu Cổ Pháp, nhà Lý gọi là phủ Thiên Đức, nhà Trần đổi gọi tên hiện nay, thời thuộc Minh do châu Vũ Ninh lãnh, lệ vào phủ Bắc Giang; đời Lê Quang Thuận, đổi do phủ kiêm lí (Nv: ?); bản triều cũng theo như thế.*” .

Địa danh Đông Ngạn đã không còn trên bản đồ ngày nay. Tuy nhiên theo sự diễn tả của ĐNNTC thì **Đông Ngạn trong ĐVQTLĐ một phần đất của huyện Đông Anh (Tỉnh Hà Nội), huyện Yên Phong và huyện Từ Sơn ngày nay.**

Từ Sơn (慈山)

ĐNNTC, tập 4, trang 56: “ từ đời Trần về trước gọi là huyện Từ Sơn,....., bản triều đầu đời Gia Long cũng theo như thế...”. Địa danh này vẫn còn, là một huyện phía tây nam tỉnh Bắc Ninh.

Địa danh Từ Sơn theo ĐVQTLĐ vẫn còn, là huyện Từ Sơn phía tây nam tỉnh Bắc Ninh

Tiên Phúc (先福):

ĐNNTC, tập 4, trang 62: “*Phủ Thiên Phúc: ...phía đông đến địa giới huyện Yên Phong phủ Từ Sơn 13 dặm, phía tây đến địa giới huyện Yên Lãng tỉnh Sơn Tây 30 dặm, phía nam đến địa giới huyện Yên Phong phủ Từ Sơn phỏng 1 dặm, phía bắc đến địa giới hai huyện Từ Nông và Phó Yên tỉnh Thái Nguyên 27 dặm. Đời Trần là đất lộ Bắc Giang, thời thuộc Minh là châu Bắc Giang; đời Lê Quang Thuận gọi là phủ Bắc Hà...*”

ĐNNTC, tập 4, trang 62 : “*Huyện Thiên Phúc: đời Trần gọi là Tân Phúc, thời thuộc Minh do châu Bắc Giang lãnh, lệ vào phủ Bắc Giang; đời Lê Quang Thuận đổi lệ phủ Bắc Hà, đời Hoàng Định (Nv: ?) đổi tên là Tiên Phúc, lại đổi là Thiên Phúc, bản triều vẫn theo như thế, ...*”.

Theo như ĐNNTC đã viết ở trên thì **địa danh Tiên Phúc theo ĐVQTLĐ nằm trong phủ Tiên Phúc và phủ Thiên Phúc bao gồm huyện Sóc Sơn tỉnh Hà Nội và một phần đất huyện Hiệp Hoà tỉnh Bắc Ninh ngày nay.**

Tiên Du (仙遊):

ĐNNTC, tập 4, trang 57: “ Tên huyện có từ đời Trần về trước. Sử chép: sứ quân Nguyễn Thủ Tiệp chiếm cứ Tiên Du tức là huyện này.”

Địa danh này theo ĐVQTLĐ vẫn còn, là huyện Tiên Du ở phía tây nam tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

4. Gia Lâm , Yên Lãng , Yên Lạc, Hiệp Hoà, Kim Huê.

Gia Lâm (家林):

ĐNNTC, tập 4, trang 61: “*Huyện Gia Lâm: Đồi Lý là quận Gia Lâm, sau đổi là huyện;*”. Địa danh này vẫn còn, là một huyện phía đông nam tỉnh Hà Nội.

Yên Lãng (安朗):

ĐNNTC, tập 4, trang 195: “*Huyện Yên Lãng: đông tây cách nhau 19 dặm, nam bắc cách nhau 31 dặm, phía đông đến địa giới tỉnh Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh 2 dặm, phía tây đến địa giới huyện Yên Lạc 17 dặm, phía nam đến sông Bạch Hạc đón ngạn với địa giới huyện Từ Liêm tỉnh Hà Nội 11 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Kim Anh tỉnh Bắc Ninh 20 dặm, đồi Hán là đất quận Giao Chỉ, có lẽ là huyện Phong Khê ..., từ đồi Đinh đồi Lý về sau đặt tên huyện hiện nay;*”.

Địa danh Yên Lãng theo ĐVQTL Đ ngày nay không còn, nhưng theo như diễn tả của ĐNNTC thì có lẽ đây là huyện Mê Linh, phía đông nam tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay.

Yên Lạc (安樂):

ĐNNTC, tập 4, trang 195: “... . Đồi Hán là đất huyện Phong Khê, từ đồi Đinh đồi Lý về sau mới đặt tên huyện hiện nay.”.

Địa danh Yên Lạc theo ĐVTLD vẫn còn, là huyện Yên Lạc phía nam của tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiệp Hoà (洽和):

ĐNNTC, tập 4, trang 63: “*Nguyên là đất lộ Bắc Giang*”. **Địa danh Hiệp Hoà vẫn còn, là huyện Hiệp Hoà phía cực tây tỉnh Bắc Giang .**

Kim Hoa (金樺)

Địa danh này ngày nay không còn. Tuy nhiên, ĐNNTC, tập 4, trang 63, có nó về huyện Kim Anh như sau: “*Huyện Kim Anh: ở cách phủ (Nv: phủ Thiên Phúc hay Tiên Phúc như đã được viết phía trên) 24 dặm lệch về phía tây nam, đông tây cách nhau 36 dặm, nam bắc cách nhau 42 dặm, phía đông đến địa giới huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn 22 dặm, phía tây đến địa giới huyện Yên Lãng (ngày nay là huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc) tỉnh Sơn Tây 14 dặm, phía nam đến địa giới huyện Đông Ngàn phủ Từ Sơn 9 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên 33 dặm. Huyện đặt từ thời Lê Quang Thuận gọi là **Kim Hoa**.*”. Theo như sự diễn tả bên trên, thì **Kim Hoa theo ĐVQTLĐ nằm phía bắc huyện Sóc Sơn (tỉnh Hà Nội) và phía đông huyện Mê Linh (tỉnh Vĩnh Phúc) ngày nay.**

(còn tiếp)